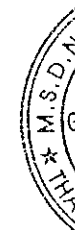


CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM HỢP
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA QUỐC TẾ LEANCARE

BẢNG GIÁ NHÀ THUỐC

STT	MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	HOẠT CHẤT	HÀM LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ BÁN (vnd)
1	TH-TCC0065	Acyclovir Cream 250mg	Acyclovir	250mg/5g	Tuýp	18,200
2	TH-TH0150	Kentax	Ketoconazol	2%	Tuýp	9,600
3	TH-TCC0064	Voltaren Emulgel 1% 20g	Diclofenac diethylamine	1.16g	Tuýp	73,000
4	TH-TH0010	Cefixim 0,2g	Cefixim	200mg	Viên	1,680
5	TH-TCC0103	Cefpodoxim 200 TV.Pharm	Cefpodoxim	200mg	Viên	3,500
6	TH-TH0012	Cefprozil US 0,5g	Cefprozil	500mg	Viên	18,400
7	TH-TH0004	Cefuroxime 0,5g	Cefuroxime	500mg	Viên	3,000
8	TH-TH0006	Ciprobay 0,5g	Ciprofloxacin	500mg	Viên	16,900
9	TH-TH0064	Ciprofloxacin 0,3%	Ciprofloxacin	0.3%	Lọ	4,500
10	TH-TH0015	Clarithromycin 0,5g	Clarithromycin	500mg	Viên	5,600
11	TH-TH0151	Cledomox 625 Tenamyd	Amoxicilin, Clavulanic acid	500mg, 125mg	Viên	5,600
12	TH-TH0002	Curam 0,625g	Amoxicillin, Clavulanic acid	500mg; 125mg	Viên	5,200
13	TH-TH0127	DOXYCYCLIN 100MG DOMESCO	Doxycycline hyclate	100mg	Viên	1,100
14	TH-TH0014	Klacid MR 0,5g	Clarithromycin	500mg	Viên	45,300
15	TH-TH0005	Lecifex 0,5g	Levofloxacin	500mg	Viên	7,600
16	TH-TH0128	METRONIDAZOL 250MG HATAPHAR	Metronidazol	250mg	Viên	300
17	TH-TH0018	Metronidazole 0,25g	Metronidazole	250mg	Viên	400
18	TH-TH0007	Opecipro 0,5g	Ciprofloxacin	500mg	Viên	2,800



unq

19	TH-TCC0042	Hỗn dịch Gaviscon Dual Action	Alginic acid, Sodium bicarbonate, Calcium Carbonate	500mg;213mg;325mg	Gói	10,700
20	TH-TCC0043	Hỗn dịch uống Phosphalugel 20% gel	Aluminium phosphate	0.2	Gói	5,200
21	TH-TH0125	ATILIVER DIỆP HẠ CHÂU	Diệp hạ châu, Cỏ mực, Xuyên tâm liên, Bồ công anh	800mg;200mg;200mg;200mg	Viên	2,200
22	TH-TH0126	KIM TIỀN THẢO KM	Râu mèo	1000mg	Viên	1,500
23	TH-TCC0057	Tanakan 40mg	Ginkgo biloba	40mg	Viên	5,500
24	TH-TH0071	Myonal 50mg	Eperisone	50mg	Viên	4,000
25	TH-TH0079	Amlodipin 5mg	Amlodipin	5mg	Viên	500
26	TH-TH0152	Captopril STELLA 25 mg	Captopril	25mg	Viên	700
27	TH-TH0072	Concor 2,5mg	Bisoprolol	2.5mg	Viên	4,000
28	TH-TCC0003	Concor Cor 2.5	Bisoprolol	2.5mg	Viên	4,000
29	TH-TH0074	Irbesartan 150mg	Irbesartan	150mg	Viên	4,300
30	TH-TCC0102	Losartan Boston 50mg	Losartan	50mg	Viên	1,700
31	TH-TH0141	Lostad T50 50mg stella	Losartan kali	50mg	Viên	2,500
32	TH-TH0075	Telmisartan 40mg	Telmisartan	40mg	Viên	3,300
33	TH-TH0037	Aerius 5mg	Desloratadine	5mg	Viên	10,600
34	TH-TCC0098	Cetirizine 10mg Boston VN	Cetirizine	10mg	Viên	400
35	TH-TCC0099	Cetirizine 10mg TV Pharma	Cetirizine	10mg	Viên	300
36	TH-TH0039	Clorpheniramin 4mg	Clorpheniramin	4mg	Viên	100
37	TH-TH0144	Fefasdin 60 Khapharco	Fexofenadine	60mg	Viên	1,000
38	TH-TH0034	Fexofenadine 60mg	Fexofenadine	60mg	Viên	700
39	TH-TCC0038	Loreze 10 mg	Loratadine	10mg	Viên	3,600
40	TH-TH0035	Telfast 60mg	Fexofenadin hydrochlorid	60mg	Viên	4,600
41	TH-TCC0022	Telfast HD 180mg	Fexofenadin hydrochlorid	180mg	Viên	9,600

lno

42	TH-TH0132	QUE THỦ THAI ALLISA TRAPHACO			Hộp	16,100
43	TH-TH0142	Alaxan	Ibuprofen, Paracetamol	325mg;200mg	Viên	1,400
44	TH-TH0031	Decolgen ND 500mg	Paracetamol, Phenylephrine	500mg; 10mg	Viên	1,100
45	TH-TCC0031	Efferalgan Codein 30mg + 500mg	Paracetamol; Codein	500mg;30mg	Viên	4,900
46	TH-TCC0021	Efferalgan Eff. 500mg	Paracetamol	500mg	Viên	3,000
47	TH-TCC0034	Efferalgan viên đặt 150mg	Paracetamol	150mg	Viên	2,700
48	TH-TCC0101	Hapacol 250mg	Paracetamol	250mg	Gói	1,900
49	TH-TH0030	Panadol 500mg	Paracetamol	500mg	Viên	1,100
50	TH-TCC0033	Panadol Extra 65mg + 500mg	Paracetamol + Cafein	500mg ; 65mg	Viên	1,400
51	TH-TH0153	Paracetamol Stada 500mg	Paracetamol	500mg	Viên	600
52	TH-TH0019	Acyclovir 0,8g	Acyclovir	800mg	Viên	4,300
53	TH-TH0026	Alpha - Chymotrypsine	Alphachymotrypsin	4200 IU	Viên	900
54	TH-TH0025	Alpha Choay	Alphachymotrypsin	21microkatal	Viên	2,600
55	TH-TH0135	MEDROL 16MG PFIZER	Methylprednisolone	16mg	Viên	4,800
56	TH-TH0020	Medrol 4mg	Methylprednisone	4mg	Viên	1,300
57	TH-TH0021	Prednisone 5mg	Prednisone	5mg	Viên	400
58	TH-TH0052	Bioflora 100mg	Saccharomyces boulardii CNCM I-745	100mg	Gói	6,700
59	TH-TCC0063	Men biolac	Lactobacillus acidophilus	10 ⁶ cfu	Viên	1,100
60	TH-TCC0012	Aspirin 81mg	Aspirin	81mg	Viên	300
61	TH-TCC0019	Buscopan 10mg Tabs	Hyoscine butylbromide	10mg	Viên	1,400
62	TH-TCC0005	Captopril	Captopril	25mg	Viên	600
63	TH-TCC0011	Carbo Nam Việt Hỗ Trợ Khó Tiêu, Tiêu Chảy	Than hoạt tính		Viên	9,600
64	TH-TCC0013	Dimedrol 1ml	Di-acefylline Diphenhydramine		Ống	800

lur

65	TH-TCC123	Glucose 5% Fresenius Kabi 500ml	Glucose	5%	Chai	13,900
66	TH-TCC0016	Lipitor Tab 20mg	Atorvastatin	20mg	Viên	14,800
67	TH-TCC0018	Medrol Tab 4mg	Methylprednisolone	4mg	Viên	1,300
68	TH-TCC0023	Motilium-M 10Mg Tabs	Domperidone	10mg	Viên	2,500
69	TH-TCC124	Natri Clorid 0.9% Fresenius Kabi 500ml	Natri clorid	0.9%	Chai	16,100
70	TH-TCC0026	Nexium-mups Tab 40mg	Esomeprazole	40mg	Viên	25,700
71	TH-TCC0008	Nitromint Spray 10g	Nitroglycerin		Chai	231,000
72	TH-TCC0004	NOSPA	Drotaverine hydrochloride	40mg	Viên	1,000
73	TH-TCC0020	Panadol xanh	Paracetamol	500mg	Viên	1,100
74	TH-TCC0024	Piracetam 800mg STELLA	Piracetam	800mg	Viên	1,500
75	TH-TCC0015	Plavix 75mg	Clopidogrel	75mg	Viên	22,200
76	TH-TCC0122	POVIDINE 10% 90ML			Chai	19,300
77	TH-TCC0025	Tanganil 500mg	Acetyl-DL-Leucine	500mg	Viên	5,300
78	TH-TCC0006	Voltaren SR	Diclofenac natri	75mg	Viên	7,000
79	TH-TCC0009	Zensalbu nebules 2.5mg	Salbutamol	2,5 mg	Ống	5,100
80	TH-TCC0100	Povidine 10% 20ml	Povidon iodin	0.1	Chai	7,200
81	TH-TCC0050	AGIFUROS 40mg	Furosemide	40mg	Viên	200
82	TH-TCC0092	FARZINCOL 10mg	Kẽm	10mg	Viên	700
83	TH-TH0133	MAGNESIUM - B6 TVPHARM	Vitamin B6, Magiê	470mg; 5mg	Viên	600
84	TH-TH0139	SCANNEURON STELLA	Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin B1	100mg; 200mg; 200mcg	Viên	1,400
85	TH-TCC0052	Tardyferon Tab, B9 50mg + 0.35mg	Acid folic, Sắt	0.35mg ; 50mg	Viên	3,100
86	TH-TCC0089	Upsa-c 1g	Vitamin C	1g	Viên	3,900
87	TH-TH0143	Vitamin C 500mg Khapharco	Vitamin C	500mg	Viên	600

lnl

88	TH-TH0134	VITAMIN E 400IU OPC	Vitamin E	400IU	Viên	1,200
89	TH-TCC0093	Vitamin PP 500mg	Nicotinamid (Vitamin PP/Niacin/Vitamin B3)	500mg	Viên	400
90	TH-TH0051	A.T Sucralfate 1000mg	Sucralfate	1000mg	Gói	2,000
91	TH-TH0147	Air-X 120	Simethicone	120mg	Viên	1,400
92	TH-TCC0078	Băng keo cá nhân trong suốt URGO TRANSPARENT 100M			Miếng	700
93	TH-TCC0077	Băng keo cá nhân Urgo durable 102m			Miếng	700
94	TH-TCC0079	Băng keo cá nhân Urgo ÍT THẤM NƯỚC 30M			Miếng	1,300
95	TH-VT0108	Băng keo lụa Urgosyval 2.5cmx5m			Hộp	30,400
96	TH-TCC0081	Băng thun y tế 3 móc 0,1mx3m			Gói	14,300
97	TH-TCC0082	Bông gòn (g/10gr)			Gói	3,600
98	TH-TCC0047	Daflon (L) Tab 500mg	Diosmin, Hesperidin	500mg	Viên	4,900
99	TH-TCC0051	Domitazol 250mg + 25mg + 20mg	Camphor, Xanh Methylen, Malva	20mg; 25mg; 250mg	Viên	3,400
100	TH-TCC0080	Gạc y tế bảo thạch 8cm x 10cm x 12 lớp			Gói	12,700
101	TH-TH0096	Gynofar			Chai	27,300
102	TH-TH0149	Itranstad 100mg	Itraconazole	100mg	Viên	12,800
103	TH-TH0078	Lipanthyl 200mg	Fenofibrate	200mg	Viên	9,100
104	TH-TH0077	Lipitor 20mg	Atorvastatin	20mg	Viên	14,000
105	TH-TCC0044	No-spa Drotaverin 40mg	Drotaverin	40mg	Viên	1,100
106	TH-TH0136	OPEDULOX 40MG OPV	FEBUXOSTAD	40mg	Viên	10,700
107	TH-TCC0094	Opedulox febuxostat 80mg	Febuxostat	80mg	Viên	9,100
108	TH-TH0145	Oresol 245 DHG	Natri clorid+kali clorid+ natri citrat + glucose khan	520mg, 580mg, 300mg, 2.7g	Gói	1,500
109	TH-TCC0097	Piracetam 800mg STADA	Piracetam	800mg	Viên	1,300

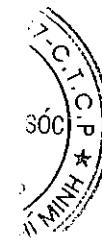
867
G TY
PHÂN
CHĂM
KHỎE
HỘI
HỒ C

un

110	TH-TH0146	Premilin 75mg Hasan	Pregabalin	75mg	Viên	4,400
111	TH-TCC0059	Tanganil 500mg	Acetylucine	500mg	Viên	5,000
112	TH-TCC0068	Viên ngậm ho bổ phế Bảo Thanh (có đường)	Xuyên bối mẫu, Tỳ bà diệp, Sa sâm, Phục Linh, Trần bì, Cát cánh, Bán hạ (Thân, Rễ), Ngũ vị tử, Qua lâu (Quả), Viễn chí, Khổ hạnh nhân, Cam khương, Mơ muối, Mạch môn, Thiên môn đông, Cam thảo, Tinh dầu bạc hà, Mật ong	0.2g,0.5g,0.1g,0.1g,0.1g,0.4g,0.1g,0.05g,0.2g,0.1g,0.2g,0.1g,0.5g,0.1g,0.05g,0.1g,1.1mg,1g	Viên	2,300
113	TH-TH0140	VIÊN NGẬM STREPSILS SMOOTHING HONEY AND LEMON	Amylmetacresol, Dichlorobenzyl Alcohol	1,2mg ; 0,6mg	Viên	1,700
114	TH-TH0054	Xisat 75ml	Nước biển sâu; khoáng chất		Lọ	32,100
115	TH-TCC0104	Carbovis	Than hoạt tính		Viên	80
116	TH-TH0050	ENTEROGERMINA	Bacillus clausii	2x10 ⁹ cfu	Ống	10,400
117	TH-TCC0060	Sủi Dizzo	Papain; Simethicone; Alpha amylase	60mg; 25mg; 20mg	Viên	3,800
118	TH-TCC0091	Vitamin A, D	Vitamin A, vitamin D	1900IU; 150IU	Viên	400
119	TH-TCC0066	Cao dán Ecosip nóng	Thăng ma, Hồng hoa, Bạch cập, Đại hoàng, Lô hội, Chè dây, Methyl salicylate, Kẽm, Menthol, Cam thảo		Miếng	3,200
120	TH-TCC0118	Canesten 100mg	Clotrimazole	100mg	Viên	18,200
121	TH-TH0088	Canesten 500mg	Clotrimazole	500mg	Viên	159,600
122	TH-TH0148	Dung dịch vệ sinh phụ nữ Phytogyno Opodis Pharma	Terpineol	0.3g	Hộp	32,100
123	TH-TH0095	Nabifar	Natri bicarbonat	5g	Gói	1,000
124	TH-TH0091	Polygynax	Neomycin, Polymyxin B, Nystatin	35.000IU, 35.000IU, 100.000IU	Viên	12,800
125	TH-TH0131	SAFARIA LTD FARMAPRIM	Metronidazole, Chloramphenicol, Nystatin	225mg;100mg;75mg	Viên	19,300
126	TH-TCC0028	Cataflam 25mg	Diclofenac kali	25mg	Viên	4,600
127	TH-TH0027	Celecoxib 200mg	Celecoxib	200mg	Viên	900
128	TH-TCC0030	Gofen 400mg	Ibuprofen	400mg	Viên	3,500
129	TH-TH0024	MOBIC 7,5mg	Meloxicam	7.5mg	Viên	11,200

lun

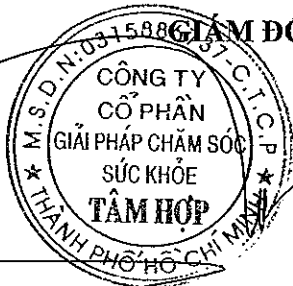
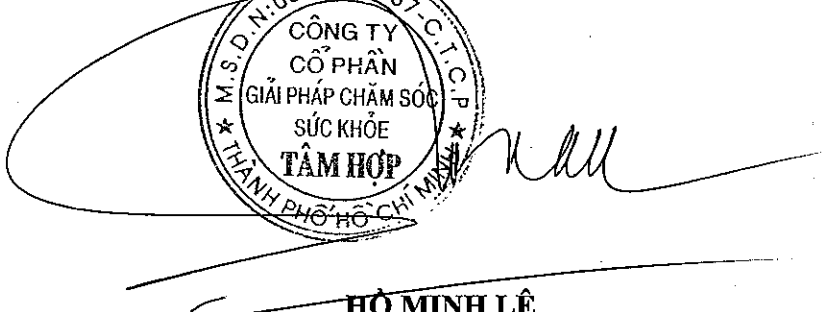
130	TH-TCC0029	Voltaren 50mg	Diclofenac natri	50mg	Viên	4,100
131	TH-TCC0045	Duphalac Syr. 15ml 20g/15ml	Lactulose	10g	Gói	7,000
132	TH-TH0137	ESOMEPRAZOL 40MG TVPHARM	Esomeprazole	40mg	Viên	3,300
133	TH-TCC0041	Esoragim 40mg	Esomeprazole	40mg	Viên	1,900
134	TH-TH0046	OMEPRAZOL 20MG	Omeprazole	20mg	Viên	700
135	TH-TH0130	FENOSTAD 200MG STELLA	Fenofibrate	200mg	Viên	2,600
136	TH-TCC0117	Lipistad 20mg	Atorvastatin	20mg	Viên	1,500
137	TH-TCC0062	Loperamide 2mg	Loperamide	2mg	Viên	400
138	TH-TH0080	Diamicron MR 30mg	Gliclazide	30mg	Viên	7,800
139	TH-TCC0048	Diamicron MR 60mg	Gliclazide	60mg	Viên	7,400
140	TH-TCC0049	Glucophage 1000mg	Metformin	1000mg	Viên	4,000
141	TH-TH0081	Glucophage 500mg	Metformin	500mg	Viên	2,000
142	TH-TH0083	Janumet 50mg/1000mg	Metformin hydrochloride, Sitagliptin	50mg; 1000mg	Viên	11,500
143	TH-TH0084	Janumet XR 100mg/1000mg	Metformin, Sitagliptin	100mg; 1000mg	Viên	24,200
144	TH-TH0138	ALZENTAL 400MG	Albendazole	400mg	Viên	4,400
145	TH-TCC0096	Fugacar 500mg original - janssen	Mebendazole	500mg	Viên	23,500
146	TH-TCC0039	Acemuc 200mg	Acetylcystein	200mg	Viên	2,700
147	TH-TH0043	Acetylcystein 0,2g	Acetylcystein	200mg	Viên	500
148	TH-TH0129	TOCEMUX 200MG TRƯỜNG THỌ	Acetylcysteine	200mg	Viên	800
149	TH-TH0093	Fluconazole 150mg	Fluconazole	150mg	Viên	12,800
150	TH-TH0067	Cravit 0,5%	Levofloxacin	0.5%	Lọ	94,200
151	TH-TH0053	Eficol 0,9%	Natri clorid	0.9%	Lọ	2,900
152	TH-TH0062	Mepoly Merap 10ml	Neomycin, Dexamethason natri phosphat, Polymyxin B Sulfate	35mg; 10mg; 100000IU	Lọ	44,900



lne

153	TH-TCC0069	Thuốc nhỏ mắt Refresh Tears 15ml	Natri Carboxymethylcellulose	0.5%	Lọ	82,700
154	TH-TCC0071	Thuốc nhỏ mắt Sancoba 5ml	Cyanocobalamin	1mg	Lọ	58,700
155	TH-TCC0070	Thuốc nhỏ mắt Tobrex 0,3% 3mg/ml	Tobramycin	0.3%	Lọ	51,400
156	TH-TCC0095	Thuốc nhỏ mắt V.rohto antibacterial rohto 13ml	Aminocaproic Acid, Sodium Sulfamethoxazole, Dipotassium Glycyrrhizinate, Chlorpheniramine Maleate		Lọ	55,000
157	TH-TCC0072	Thuốc nhỏ mắt V.Rohto new xanh lá 13ml	Panthenol, Vitamin B6	13mg; 6.5	Lọ	55,500
158	TH-TCC0074	Thuốc nhỏ mắt V.Rohto Vitamin 13ml	Natri chondroitin sulfat, Chlorphenamine, Vitamin B6, Vitamin E	13.0mg ; 3.9mg ; 13.0mg ; 6.5mg	Lọ	58,900
159	TH-TH0056	Benita Merap 64mcg	Budesonide	64mcg	Lọ	102,700
160	TH-TH0057	Meseca Merap	Fluticasone propionate	50mcg	Lọ	110,300

ĐẠI DIỆN PHÒNG KHÁM


GIÁM ĐỐC *un2*

HỒ MINH LÊ